TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/ HNGĐ – ST.
Ngày: 27 - 9 – 2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thanh Phong.

2/ Bà Trần Thị Thu Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 201/2019/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019. Về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST– HNGĐ ngày 25/7/2019; Quyết định Hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST - HNGĐ ngày 13/8/2019; Thông báo Hoãn phiên tòa số 09/2019/TB-HPT ngày 06/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Ngọc T – Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Phú Điền, xã H1, huyện H2, tỉnh Bình Thuận.

*Bị đơn : * Anh Nguyễn Minh Q – Sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn Lâm Giang, xã H, huyện H2, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền(về phần con chung) của anh Q: Anh Nguyễn Quốc T2 – sinh năm 1983. Theo giấy ủy quyền ghi ngày 05/9/2019.

Có mặt chị T, vắng mặt anh Q, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 23/4/2019 và tại bản khai, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc T trình bày: Chị với anh Q cưới nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hàm Thuận Bắc. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu là 01 năm. Sau khi cưới vợ chồng về ở riêng bên cạnh

nhà ba mẹ anh Q tại thôn L, xã H, huyện H2, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống hạnh phúc được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì anh Q là người chồng vô trách nhiệm, không quan tâm đến vợ con. Chị chỉ việc ở nhà chăm sóc con nhiều khi chị muốn đi làm để có thêm thu nhập, nhưng anh Q không đồng ý. Mọi việc anh Q làm anh đều không nói với chị, không đưa tiền để chị chi tiêu cho cuộc sống. Khi chị nói chuyện góp ý thì anh Q không tiếp nhận mà khi nào cũng nói là để anh lo. Chị thấy cuộc sống như vậy rất ngột ngạt, là vợ chồng nhưng chị không có tiếng nói trong gia đình, chỉ biết ở nhà và giữa chị với anh Q cũng không tìm được tiếng nói chung. Vào khoảng tháng 01/2019 khi vợ chồng đang vui vẻ thì anh Q gây chuyện, vợ chồng có xảy ra xích mích, cãi vã nhau và anh Q đánh chị. Vào sáng ngày hôm sau chị đưa con về nhà mẹ ruột sống cho đến nay, trước khi đi thì chị cũng có nói với ba mẹ chồng, nhưng ba mẹ nói thích làm gì thì làm. Từ đó đến nay anh Q không thăm con và không quan tâm gì đến chị nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh Q.

Tại Bản khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Minh Q trình bày: Anh với chị T cưới nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hàm Thuận Bắc. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu là 01 năm. Sau khi cưới vợ chồng cất nhà ở riêng bên cạnh nhà ba mẹ anh tại thôn Lâm Giang, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Thời gian vợ chồng sống với nhau được 03 năm cũng không có mâu thuẫn gì nhiều, vợ chồng cũng không cãi vã nhau. Đến đầu tháng 2/2019 thì chị T tự ý bỏ đi về nhà mẹ ruột để sống cho đến nay. Nguyên nhân vì sao chị T bỏ đi thì anh cũng không biết. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, anh cũng đồng ý theo yêu cầu của chị T, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Huỳnh Thị Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thiên K – sinh năm 15/02/2016. Hiện con đang ở với chị T.

Khi ly hôn chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q không đồng ý giao con cho chị T nuôi. Anh có nguyện vọng được nuôi con vì theo anh chị T không đủ điều kiện để nuôi con công việc thì đi sớm về muộn, thu nhập không đủ để nuôi con. Còn anh có đủ điều kiện, tài sản để nuôi con.

Chị T không đồng ý giao con cho anh Q nuôi con vì từ trước đến nay chị là người trực tiếp nuôi, chăm sóc con. Hiện nay chị đi làm cũng có thu nhập đủ để nuôi

con, nên chị cũng không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra từ ngày chị đưa con đi khỏi nhà thì anh Q không thăm nom, không chăm sóc gì con, mà ra Tòa lại yêu cầu nuôi con là vô lý, chị không đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Huỳnh Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh Q và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Anh Nguyễn Minh Q có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện H. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn anh Nguyễn Minh Q đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Q.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị T với anh Q cưới nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H2, tỉnh Bình Thuận. Sau khi cưới vợ chồng về tạo lập cuộc sống riêng từ đó cho đến nay. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 03 năm thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân theo chị T là trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không hòa hợp được với nhau, không có tiếng nói chung, anh Q muốn làm gì thì làm không nói gì với chị và không tôn trọng ý kiến của chị, hơn nữa anh Q không quan tâm gì đến cảm nghĩ của chị dẫn đến cuộc sống vợ chồng đối xử nhau ngày càng lạnh nhạt và chị đã bỏ về nhà mẹ ruột sống từ tháng 01/2019 cho đến nay. Còn anh Q cho rằng chị T tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sống, anh cũng không hiểu nguyên nhân. Trong quá trình hòa giải anh Q cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và yêu cầu được ly hôn với chị T, đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì anh Q cố tình lẫn tránh, vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Xét thấy tình cảm giữa chị T với anh Q không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy yêu cầu được ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc T là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thiên K – sinh năm 15/02/2016. Khi ly hôn chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu K vừa mới được hơn ba tuổi và từ khi vợ chồng mâu thuẫn nhau cho đến nay cháu Kim vẫn sống ổn định cùng với chị T, được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian vợ chồng không chung sống, anh Q cũng rất ít quan tâm đến thăm nom cháu K và hiện nay anh Q cũng không có chứng cứ gì, chứng minh việc chị T không đủ điều kiện để nuôi và chăm sóc con. Do vậy, việc anh Q yêu cầu được quyền nuôi cháu Kim là không có cơ sở để chấp nhận, và để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu K , nên giao cháu K cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị T là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

Riêng về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu, nên không xem xét.

[2.3]*Về tài sản và nợ:* Chị T, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Anh Nguyễn Minh Q không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, 72, Khoản 4 Điều 91, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên Xử:

1/ Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc T. Chị Huỳnh Thị Ngọc T được ly hôn anh Nguyễn Minh Q.

2/ Về con chung: Giao 01 con tên Nguyễn Huỳnh Thiên K – sinh ngày 15/02/2016 cho chị Huỳnh Thị Ngọc T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu, nên không xem xét.

Anh Nguyễn Minh Q được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Do chị T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026587 ngày 24/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, nên không phải nộp nữa.

Anh Nguyễn Minh Q không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Báo cho đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bạch Tuyết